

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2022/DS-PT

Ngày: 27-12-2022

V/v: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Thanh Hà

Ông Nguyễn Trung Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Đức Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2022/QĐ-PT ngày 26/10/2022, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 351/2022/QĐ-PT ngày 22/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Vân L – sinh năm: 1948.

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Vũ Đoàn Phước L1 – sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN. (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Q-Luật sư Công ty Luật TNHH Danh Tiếng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: tầng 3, số 372 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã XD.

Địa chỉ trụ sở: ấp Bảo Định, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Thanh L2 – sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp Tín Nghĩa, xã XT, huyện TN, tỉnh ĐN; Chức vụ: Công chức địa chính UBND xã XD. (Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2022)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1950. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

2. Ông Nguyễn Kim T1, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

3. Bà Nguyễn Thị T2 – sinh năm 1950. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

4. Anh Phạm Quốc D – sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

5. Bà Nguyễn Thị Mai L3 – sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

6. Anh Nguyễn Quang T3 – sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

7. Ông Phạm Thanh P – sinh năm 1972. (vắng mặt)

ĐKTT: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

8. Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

9. Ông Nguyễn Thanh P1 – sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

10. Bà Đỗ Thị Minh H – sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

11. Chị Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 2004. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

12. Ông Đặng Văn H – sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

13. Chị Trần Thị Ngọc U – sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

14. Ông Phạm Thanh P2 – sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

15. Bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

16. Chị Phạm Diệp Linh Đ – sinh năm 2001. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

17. Ông Tạ Minh N – sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN.

18. Bà Nguyễn Thị Thúy Đ – sinh năm 1981. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN.
19. Anh Tạ Minh V – sinh năm 2003. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN.
20. Ông Vũ Bảo L4 – sinh năm 1949. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN.
21. Chị Vũ Đoàn Ánh H5 – sinh năm 1979. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN.
22. Chị Vũ Đoàn Thu H6 – sinh năm 1983. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN.
23. Ông Vũ Đoàn Phước L1 – sinh năm 1986. (có mặt)
Địa chỉ: ấp Bảo Thị, xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L.

(Anh L1, ông L, luật sư Q có mặt; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L có anh Vũ Đoàn Phước L1 đại diện trình bày:

Mẹ của bà Đoàn Thị Vân L là bà Tạ Thị R là chủ sử dụng thửa đất số 610 tờ bản đồ số 6 xã XĐ, được UBND huyện XL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/01/1993. Trước đây, bà R từng có tranh chấp đất về diện tích lối đi 1,8 m x 86m, yêu cầu các ông Nguyễn Văn M (đã chết) và ông Phạm Văn T trả lại diện tích đất lấn chiếm trên. Tuy nhiên, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 77/DSPT ngày 27/6/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐN cho rằng ông M, ông T không toàn quyền quản lý, sử dụng đất trên mà là chính sách mở đường của Ủy ban nhân dân xã XĐ, nên bác yêu cầu khởi kiện của bà R. Bản án trên khi tuyên không xác định rõ diện tích bao nhiêu, giao ai quản lý, chỉ bác yêu cầu khởi kiện của bà R. Sau khi bà R chết, bà L khai nhận thừa kế và được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 53746 ngày 09/9/2011 đối với diện tích đất trên với số thửa mới 342, tờ bản đồ số 3 xã XĐ, diện tích 4.000 m².

Việc bản án số 77/DSPT ngày 27/6/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐN bác yêu cầu khởi kiện của bà R không liên quan đến đất của bà L. Bản án trên khi tuyên không xác định rõ diện tích bao nhiêu, giao ai quản lý và cũng không quy định trách nhiệm của bà L hay bà R phải thực hiện chính lý. Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã XĐ tiếp tục tiến hành ủi san lấp đối với thửa đất trên, không công bố rõ diện tích như thế nào, theo quyết định thi hành án nào, đã cản trở việc sử dụng đất của bà L. Nay, cụ thể bà Đoàn Thị Vân L yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XĐ chấm dứt hành vi điều động cán bộ, công chức đến can thiệp, hỗ trợ, chỉ đạo thi công bê tông cản trở quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị Vân L trên phần đất có diện tích 275 m² được giới hạn

bởi các mốc (a, b, e, g, 4, 5 –a) thuộc một phần thửa số 342 tờ bản đồ số 3 xã XD, mốc giới đất thể hiện tại Bản đồ hiện trạng khu đất Hợp đồng số 1622/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN – Chi nhánh XL đo vẽ, ký xác nhận ngày 08/7/2021. Bà L khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XD chấm dứt hành vi thi công bê tông bề mặt phần đất tranh chấp là để bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền khác đối với tài sản theo quy định tại Điều 164 Bộ luật dân sự.

+ Theo án sơ thẩm, bị đơn UBND xã XD có ông Trương Thanh L2 đại diện trình bày:

Ủy ban nhân dân xã XD không có hành vi hay quyết định gì cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị Vân L đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 3 xã XD. Phần đất bà L tranh chấp nêu trên có hiện trạng nay là đường công cộng có tên gọi là Đường số 1 Bảo Thị do Ủy ban nhân dân xã XD quản lý. Trước năm 1994, Đường số 1 Bảo Thị có hiện trạng lúc đó là bờ đê và con mương thoát nước, xuất phát từ nhu cầu của nhân dân được đi lại thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất, Ban ấp Bảo Thị đã tổ chức họp dân để mở con đường tại vị trí bờ đê và con mương này cho dân đi lại. Thửa đất số 610, tờ bản đồ số 6 xã XD do bà R đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có một cạnh giáp với bờ đê (sau này là con đường số 1 Bảo Thị). Biên bản họp dân vào ngày 05/3/1994 có bà Đoàn Thị Vân L ký vào biên bản thống nhất mở đường. Trong quá trình mở đường, do con đường không đủ chiều rộng 4m nên gia đình bà R đã dời hàng rào lùi vào khoảng 1m, ông Vũ Bảo L3 là chồng của bà L xác nhận khi mở đường có ra phụ giúp san lấp và dời hàng rào vào bên trong. Đi trên con đường này có các hộ gia đình ở phía trong, trong đó có gia đình ông Nguyễn Văn M và ông Phạm Văn T. Quá trình đi trên con đường này, ông M và ông T có đổ vỏ xe đốt sát hàng rào đất bà R làm cháy bụi tre của bà R và gây khói bụi, nên bà R khởi kiện ông M và ông T đòi lại đất đường đi trên. Tại bản án phúc thẩm số 77/DSPT ngày 27/6/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐN tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị R về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn M và ông Phạm Văn T. Từ đó, các hộ dân vẫn đi lại trên con đường này liên tục cho đến nay. Gia đình bà R và sau này là bà L (người thừa kế của bà R thửa đất trên) không có tranh chấp gì với ai nữa về con đường này cho đến khi Ủy ban nhân dân xã XD có Công văn số 106/CV-UBND ngày 16/12/2019 về việc đồng ý cho các hộ dân tự đổ bê tông mặt đường số 1 Bảo Thị, khi các hộ dân tiến hành san ủi mặt đường giáp với ranh đất bà L thì bà L ngăn cản không cho thực hiện, sau đó bà L khởi kiện vụ án này.

Hiện nay các hộ dân đã dừng việc thi công chờ Tòa án giải quyết tranh chấp. Bản đồ địa chính xã XD được đo mới vào năm 2012 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh ĐN phê duyệt xác nhận, theo bản đồ thể hiện thì đường số 1 Bảo Thị là đường công cộng, thuộc Nhà nước quản lý. Con đường này là đường công cộng, mọi người dân đều được đi lại trên con đường này chứ con đường này không thuộc quyền sử dụng của riêng bất kỳ ai. Phần đất bà L tranh chấp nêu trên thuộc một

phần tuyến đường số 1 Bảo Thị, chứ không thuộc quyền sử dụng đất của bà L. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã XD không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày:* Con đường bà L tranh chấp nêu trên có từ năm 1957 khi các hộ dân di cư đến ấp Bảo Thị, xã XD lập ấp sinh sống. Mỗi hộ dân lúc đó được giao 3.200 m² đất (ngang 40 m dài 80m) để canh tác. Cứ hai hộ dân liền kề thì thiết lập 01 con đường đi chung với chiều ngang khoảng 4m, dài đến hết đất khoảng 160m. Toàn ấp Bảo Thị khi lập ấp có 11 con đường đi chung với chiều ngang 4m đều nhau. Trong chiến tranh, có những con đường sử dụng vào việc đào giao thông hào, lập ấp chiến lược. Con đường bà L đang tranh chấp cũng được sử dụng làm giao thông hào, sau đó thành bờ đê, mương thoát nước. Năm 1994, do nhu cầu đi lại, sinh hoạt, các hộ dân đã làm đơn đề nghị chính quyền địa phương cho mở lại con đường, các hộ dân đều thống nhất mở lại con đường giáp ranh với đất bà R lúc đó, bà Đoàn Thị Vân L là con của bà R có ký tên vào biên bản nhất trí mở lại con đường. Năm 1997, bà Tạ Thị R là mẹ của bà Đoàn Thị Vân L khởi kiện ông T và ông Nguyễn Văn M tại Tòa án nhân dân huyện XL để tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến con đường đi này. Vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử phúc thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện bà R tại Bản án số 77/DSPT ngày 27/06/1998. Ngày 28/12/2019, ông T và các hộ dân đã hợp đồng với Công ty TNHH tư vấn thương mại dịch vụ Vũ Hùng Anh tiến hành đổ bê tông con đường trên, nhưng khi thi công đến phần đất giáp ranh với đất bà L thì bà L cản trở không cho thi công. Nay ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim T1 trình bày:* Vào khoảng tháng 7/1997, ông T1 có nhận chuyển nhượng lại phần diện tích đất của ông Nguyễn Văn M (đã chết). Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông M, gia đình ông T1 chuyển về đây sinh sống và cũng sử dụng con đường này đi lại từ đó cho đến nay. Theo lời kể của các hộ dân khu vực này thì ông T1 được biết con đường này có từ năm 1957 và đây là đường công cộng, chứ không phải đất của bà L. Ngày 28/12/2019, ông T1 và các hộ dân đã hợp đồng với Công ty TNHH TV TM DV Vũ Hùng Anh tiến hành đổ bê tông con đường trên, nhưng khi thi công đến phần đất giáp ranh với đất bà L thì bà L cản trở không cho thi công. Nay ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:* Bà T2 là vợ của ông Phạm Văn T, bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của ông T trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quốc D trình bày:* Anh Phạm Quốc D là con của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T2. Gia đình anh cùng sử dụng con đường số 1 Bảo Thị cho việc đi lại và anh được biết con đường này đã hình thành từ trước năm 1957. Các hộ dân sống liền kề trong khu vực đã sử dụng

chung con đường này, đây là con đường công cộng, có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài 160m từ đường nhựa liên xã XD – Lâm San đi vào đến cuối đường. Anh D thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông T trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai L3 trình bày:* Bà L3 thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Kim T1 trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang T3 trình bày:* Anh T3 thống nhất toàn bộ lời trình bày và ý kiến của cha anh là ông Nguyễn Kim T1 trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thanh P1 trình bày:* Anh P1 sống cùng với cha mẹ là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T2, sau đó anh P1 lập gia đình ở riêng và gia đình anh cũng ở tại khu đất này và cùng sử dụng con đường số 1 Bảo Thị cho việc đi lại. Nay anh P1 thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông T trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị H là vợ của anh Phạm Thanh P1, chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của anh Phạm Thanh P1 và ông Phạm Văn T trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P trình bày:* Năm 2003, gia đình anh Nguyễn Thanh P đã về đây sinh sống và đi trên con đường này và anh được biết đường số 1 Bảo Thị đã hình thành từ trước năm 1957. Các hộ dân sống liền kề trong khu vực đã sử dụng chung con đường này, đây là con đường công cộng, có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài 160m từ đường nhựa liên xã XD – Lâm San đi vào đến cuối đường. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị vân L.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh H1 trình bày:* Bà H1 thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Thanh P trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H2 trình bày:* Chị H2 thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của cha mẹ là ông Nguyễn Thanh P và bà Đỗ Thị Minh H trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H3 trình bày:* Anh H3 là chồng chị Trần Thị Ngọc U, cha của anh H3 tên Đặng Tất C (đã chết), mẹ của anh H3 tên Nguyễn Thị C (đã chết). Năm 2019 vợ chồng anh H3 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh D và vợ chồng anh Hiến sử dụng chung con đường số 1 Bảo Thị để đi lại làm rẫy. Tuy chị gái của anh H3 tên Đặng Thị H4 có tên trong hộ khẩu nhưng không sử dụng con đường đi này. Anh H3 được biết con đường này đã hình thành từ trước năm 1957. Các hộ dân sống liền kề trong khu vực

đã sử dụng chung con đường này để đi lại, đây là con đường công cộng, có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài 160m từ đường nhựa liên xã XD – Lâm San đi vào đến cuối đường. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Vân L.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc U trình bày:* Bà U thống nhất toàn bộ lời trình bày và ý kiến của chồng bà là ông Đặng Văn H trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thanh P2 trình bày:* Anh P2 sinh ra, lớn lên và sinh sống cùng với cha mẹ là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T2, sau đó anh lập gia đình ở riêng. Gia đình anh P2 cũng ở tại khu đất này và cùng sử dụng con đường số 1 Bảo Thị để phục vụ cho việc đi lại sinh hoạt. Anh P2 thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông Phạm Văn T trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D trình bày:* Từ năm 2000 chị lấy chồng là anh Phạm Thanh P2, cha mẹ chồng là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T2. Chị D thống nhất với lời trình bày và ý kiến của anh Phạm Thanh P2 và ông Phạm Văn T trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Diệp Linh Đ trình bày:* Chị Đ là con của ông Phạm Thanh P2 và bà Nguyễn Thị D. Chị Đ thống nhất với lời trình bày và ý kiến của cha mẹ trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tạ Minh N trình bày:* Đầu 2004 gia đình anh N về đây sinh sống và anh được biết con đường số 1 Bảo Thị đã hình thành từ trước năm 1957. Các hộ dân sống liền kề trong khu vực đã sử dụng chung con đường này, đây là con đường công cộng, có chiều ngang khoảng 4m, chiều dài 160m từ đường nhựa liên xã XD – Lâm San đi vào đến cuối đường. Nay ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy Đ trình bày:* Bà Đ thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của chồng bà là ông Tạ Minh N trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Tạ Minh V trình bày:* Anh V thống nhất toàn bộ lời trình bày và ý kiến của cha mẹ là ông Tạ Minh N và bà Nguyễn Thị Thúy Đ trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Đoàn Ánh H5 trình bày:* Chị H5 đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của mẹ là bà Đoàn Thị Vân L trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Đoàn Thu H6 trình bày:* Chị H6 đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của mẹ là bà Đoàn Thị Vân L trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Bảo L4 trình bày:* Ông L4 đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của vợ là bà Đoàn Thị Vân L trong vụ án.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đoàn Phước L1 trình bày:* Anh L1 đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của mẹ là bà Đoàn Thị Vân L trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh ĐN tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Vân L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XĐ chấm dứt hành vi điều động cán bộ, công chức đến can thiệp, hỗ trợ, chỉ đạo thi công bê tông cản trở quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị Vân L trên phần đất có diện tích 275 m² được giới hạn bởi các mốc (a, b, e, g, 4, 5 –a) thuộc một phần thửa số 342 tờ bản đồ số 3 xã XĐ, huyện XL, tỉnh ĐN, mốc giới đất thể hiện tại Bản đồ hiện trạng khu đất Hợp đồng số 1622/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN – Chi nhánh XL đo vẽ, ký xác nhận ngày 08/7/2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 07/7/2022 Nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L:

- Cấp sơ thẩm xác định đường số 1 Bảo Thị do UBND xã XĐ quản lý là không có căn cứ theo quy định tại Điều 45, 132, 141 Luật đất đai năm 1993.

- Cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ chứng minh việc quản lý đường số 1 Bảo Thị của UBND xã XĐ.

- Toàn bộ diện tích đất 4.000m², thuộc thửa số 324, tờ bản đồ số 3 xã XD bà L nhận thừa kế từ bà R, đã thực hiện đầy đủ thủ tục thừa kế, kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

- Cấp sơ thẩm không đánh giá về giá trị chứng minh của chứng cứ là Bản án phúc thẩm số 77/DSPT ngày 27/6/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐN trên thực tế và tại thời điểm tuyên án.

- UBND xã XD ủng hộ, đứng ra hỗ trợ, trực tiếp có mặt chỉ đạo và gây ra sự uy hiếp về mặt tinh thần nên các hộ dân, đơn vị thi công mới dám san ủi, đổ đá trên đất của bà L. Đây là hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của bà L đối với diện tích đất 275 m² thuộc một phần thửa số 342, tờ bản đồ số 3 xã XD.

- Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không triệu tập, đưa vào tham gia tố tụng đối với UBND huyện XL là cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho là L và Công ty TNHH tư vấn thương mại xây dựng Vũ Hùng Anh là đơn vị thi công đường.

Do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót người tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và cấp sơ thẩm không tuyên xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537246 ngày 09/9/2011 cấp cho bà L sẽ khó khăn trong quá trình thi hành án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L, hủy bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh ĐN.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định và đúng quy định pháp luật nên được xem xét.

- Về đường lối giải quyết:

Cấp sơ thẩm đã giải quyết nội dung tranh chấp phù hợp với quy định pháp luật, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh ĐN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Thập, ông T1, bà T2, anh D, bà L3, anh T3, ông P1, bà H, ông Thanh P, bà H1, chị H2, ông H3, chị U, ông P2, bà D, chị Đ, ông N, bà Đ1, anh V, ông L4, chị H4, chị H5 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết, áp dụng pháp luật, đương sự trong vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[4] Về nội dung:

Bà Đoàn Thị Vân L khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã X Đ, huyện XL chấm dứt hành vi cản trở bà L thực hiện quyền sử dụng đối với diện tích đất 275 m² thuộc một phần thửa số 342, tờ bản đồ số 3 xã XĐ, về phía Ủy ban nhân dân xã XĐ không đồng ý và xác định Ủy ban nhân dân xã XĐ không có hành vi hay quyết định gì cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà L đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 3 xã XĐ.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 342 tờ bản đồ số 3 xã XĐ: Mẹ của bà L là bà Tạ Thị R là chủ sử dụng thửa đất số 610 tờ bản đồ số 6 xã XĐ, được Ủy ban nhân dân huyện XL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/01/1993. Bà R chết vào năm 1999, bà L được nhận thừa kế thửa đất số 610 tờ bản đồ số 6 xã XĐ theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 08/4/2008. Bà L đăng ký nhận thừa kế thửa đất số 610 tờ bản đồ số 6 xã XĐ và được Ủy ban nhân dân huyện XL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537246 ngày 09/9/2011 đối với thửa đất trên với số thửa mới là 342 tờ bản đồ số 3 xã XĐ, có diện tích 4.000 m².

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ hiện trạng phần đất bà L cho rằng UBND xã XĐ có hành vi cản trở bà thực hiện quyền sử dụng đất tại Bản đồ hiện trạng khu đất Hợp đồng số 1622/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN – Chi nhánh XL đo vẽ, ký xác nhận ngày 08/7/2021 thể hiện phần đất mà bà L yêu cầu có diện tích là 275 m², theo bản đồ địa chính được cập nhật, chỉnh lý biến động đến ngày 31/12/2006 thì thuộc một phần thửa đất số 342, tờ bản đồ số 3 xã XĐ còn theo bản đồ địa chính mới thành lập năm 2012 thể hiện tại Bản đồ hiện trạng khu đất số 3002/2021 ngày 08/7/2021 thì diện tích đất bà L yêu cầu là đường giao thông có tên gọi là đường số 1 Bảo Thị do Ủy ban nhân dân xã XĐ quản lý.

Về nguồn gốc đường số 1 Bảo Thị: Qua chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện trước năm 1994 có hiện trạng là bờ đê và con mương thoát nước, xuất phát từ nhu cầu của nhân dân được đi lại thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất, Ban ấp Bảo Thị đã tổ chức họp dân để mở con đường tại vị trí bờ đê và con mương này cho dân đi lại, thửa đất số 610 cũ của gia đình bà R có 01 cạnh giáp với bờ đê, Biên bản họp dân vào ngày 05/3/1994 có bà Đoàn Thị Vân L ký vào biên bản thống nhất mở đường. Trong quá trình mở đường, do con đường không đủ chiều rộng 4m nên gia đình bà R đã dời hàng rào lùi vào khoảng 1m, ông Vũ Bảo L3 là chồng của bà L xác nhận khi mở đường có ra phụ giúp san lấp và dời hàng rào vào trong. Đi trên con đường này có các hộ gia đình ở phía trong, trong đó có gia đình ông Nguyễn Văn M và ông Phạm Văn T, quá trình đi trên con đường này, ông M và ông T đổ vỏ xe đốt sát hàng rào đất bà R làm cháy bụi tre của bà R và gây khói bụi, nên bà R đã khởi kiện ông M và ông T đòi lại phần đất đường đi trên, cụ thể yêu cầu ông M và ông T trả lại diện tích đất ngang 1,8m x dài 86m dùng làm đường đi. Tại bản án phúc thẩm số 77/DSPT ngày 27/6/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐN nhận định diện tích đất mà bà R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.000m² nhưng thực tế ít hơn và tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị R về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn M và ông Phạm Văn T, kiến nghị UBND huyện XL- Phòng địa chính huyện XL điều chỉnh diện tích đất và thuế nông nghiệp của bà Tạ Thị R.

Sau khi có bản án phúc thẩm nêu trên, bà R không thực hiện thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền đo đạc điều chỉnh lại diện tích thực tế của thửa đất số 610. Sau khi bà R chết, bà L khai nhận thừa kế thửa đất số 610, nhưng bà L cũng không đề nghị đo đạc điều chỉnh lại diện tích đất thực tế của thửa đất số 610, về phía UBND huyện XL- Phòng địa chính huyện XL cũng không thực hiện điều chỉnh diện tích đất theo kiến nghị tại bản án phúc thẩm số 77/DSPT ngày 27/6/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh ĐN, quá trình bà L khai nhận thừa kế thửa đất số 610 theo bản đồ cũ và theo bản đồ mới thuộc thửa số 342, tờ bản đồ số 3 xã XĐ được biên vẽ trọn thửa đất, không đối soát ngoài thực địa. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện XL cấp cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 537246 ngày 09/9/2011 đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.000 m² là không phù hợp với diện tích đất thực tế sử dụng của bà L (trước đây là bà R) và theo bản đồ địa chính xã XĐ hiện nay phân diện tích đất 275m² bà L yêu cầu thuộc một phần đường giao thông công cộng có tên gọi là đường số 1 Bảo Thị do Ủy ban nhân dân quản lý được hình thành từ năm 1994 và người dân đi lại sinh hoạt ổn định cho đến nay. Tại Công văn số 444/UBND-TCD ngày 17/01/2020, Ủy ban nhân dân huyện XL cũng đã đề nghị bà L tiếp tục chấp hành bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh ĐN.

Mặt khác, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay Ủy ban nhân dân xã XĐ xác định, Ủy ban ban hành Công văn số 106/CV-UBND ngày 16/12/2019 và Thông báo số 04/TB-UBND ngày 10/01/2020 về việc chấp thuận cho các hộ dân thi công bê tông đường số 1 Bảo Thị là việc Ủy ban nhân dân xã XĐ thực hiện quản lý hành

chính đối với tuyến đường do Ủy ban nhân dân xã XD quản lý, còn việc thi công bê tông con đường là do các hộ dân đi trên con đường này cùng nhau tự hợp đồng với Công ty TNHH tư vấn thương mại xây dựng Vũ Hùng Anh để thi công, Ủy ban nhân dân xã XD không chỉ đạo và cũng không tham gia thi công con đường này. Xét thấy, qua chứng cứ do người liên quan ông Nguyễn Kim T cung cấp là Thỏa thuận hợp đồng thi công ngày 28/12/2019 thể hiện người dân đi trên con đường số 1 Bảo Thị tự đóng góp tiền và hợp đồng với Công ty Vũ Hùng Anh để bê tông hóa con đường, từ đó cho thấy UBND xã XD không phải là chủ đầu tư và không thi công con đường, do đó có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân xã XD không có hành vi thi công đường số 1 Bảo Thị cản trở bà L thực hiện quyền sử dụng đất của mình, vì vậy, cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí phúc thẩm: Bà L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nhưng cấp sơ thẩm lại thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của bà L là không phù hợp quy định pháp luật, vì vậy rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm phần này và hoàn trả bà L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên bà Lan phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản là 10.629.000 đồng. (đã nộp xong)

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã giải quyết nội dung tranh chấp, chi phí tố tụng và án phí phù hợp với quy định pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh ĐN.

+ Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Vân L không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

+ Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Vân L; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh ĐN.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Vân L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã XD chấm dứt hành vi điều động cán bộ, công chức đến can thiệp, hỗ trợ, chỉ đạo thi công bê tông cản trở bà L thực hiện quyền sử dụng đối với diện tích đất 275 m² được giới hạn bởi các mốc (a, b, e, g, 4, 5 –a) thuộc một phần thửa số 342, tờ bản đồ số 3 xã XD, huyện XL, tỉnh ĐN, mốc giới đất thể hiện tại Bản đồ hiện trạng khu đất Hợp đồng số 1622/2020 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN – Chi nhánh XL đo vẽ, ký xác nhận ngày 08/7/2021.

+ Về chi phí tố tụng:

Bà Đoàn Thị Vân L phải chịu chi phí hợp đồng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp với tổng số tiền là 10.629.000 đồng (*mười triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng*). (bà Lan đã nộp xong)

+ Về án phí: : Bà Đoàn Thị Vân L là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả bà L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006700 ngày 19/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XL, tỉnh ĐN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Hà Nguyễn Trung Hưng

Võ Văn Toàn

Nơi nhận:

- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Toàn